

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	13 - 38

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400112623, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 27 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

471.512.730.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại : (84 - 67) 3891 166

Fax : (84 - 67) 3891 672

E-mail : [vh@vinhhoan.com.vn](mailto:vh@vinhhoan.com.vn)

Mã số thuế : 1400112623

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại TP. Hồ Chí Minh	569-571-573 (lầu 8,9) Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản;
- Chế biến thức ăn thủy sản;
- Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản;
- Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản);
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái;
- Sản xuất bao bì giấy, in bao bì các loại;
- Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản;
- Xay sát thóc lúa, đánh bóng gạo;
- Mua bán, xuất nhập khẩu gạo;
- Nhập khẩu, mua bán phân bón;
- Mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế.

### **Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2012 giảm so với cùng kỳ năm trước do tốc độ tăng của giá bán thấp hơn tốc độ tăng của giá thành. Ngoài ra, giá thành cá nuôi kỳ này cũng tăng so với kỳ trước.

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 38).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 09 tháng 5 năm 2012 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng	19.717.147.527 VND
- Trích quỹ phúc lợi	7.886.859.011 VND
- Trích quỹ khen thưởng vượt kế hoạch cho Ban điều hành	5.000.000.000 VND
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2011	45.952.523.000 VND
<b>Cộng</b>	<b>78.556.529.538 VND</b>

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	09 tháng 5 năm 2012
Ông Võ Phú Đức	Thành viên	09 tháng 5 năm 2012	-
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên	25 tháng 4 năm 2011	-

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nghệ	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	25 tháng 4 năm 2011	09 tháng 5 năm 2012
Bà Trương Tuyết Hoa	Thành viên	09 tháng 5 năm 2012	-

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Đặng Văn Viễn	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Trương Tuyết Phương	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2008	-

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

02047  
 CÔNG  
 KIỂM  
 TỐ  
 TƯ V  
 HỒ

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Trương Thị Lệ Khanh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2012





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 0753/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

**Kính gửi: QUÝ CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 30 tháng 7 năm 2012, từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**



**Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

**Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0327/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.839.478.190.036</b>	<b>1.648.757.270.442</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>21.537.316.442</b>	<b>294.581.518.046</b>
1. Tiền	111		21.537.316.442	278.081.518.046
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>423.716.296.390</b>	<b>219.548.828</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	423.716.296.390	219.548.828
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>626.828.722.087</b>	<b>701.228.317.725</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	494.009.018.989	635.444.345.666
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	111.867.748.264	60.475.846.820
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	20.951.954.834	5.308.125.239
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>702.396.332.734</b>	<b>612.818.789.833</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	749.847.567.366	658.314.732.791
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(47.451.234.632)	(45.495.942.958)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>64.999.522.383</b>	<b>39.909.096.010</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	608.628.165	799.579.015
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.067.428.507	11.959.407.847
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.20	251.970.546	608.007.853
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	38.071.495.165	26.542.101.295

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>576.163.501.177</b>	<b>505.117.055.193</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>365.407.827.615</b>	<b>362.753.678.903</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	288.692.222.846	303.091.877.024
<i>Nguyên giá</i>	222		525.929.533.882	511.253.604.274
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(237.237.311.036)	(208.161.727.250)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	64.635.746.045	52.810.335.443
<i>Nguyên giá</i>	228		65.968.974.840	54.023.222.540
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.333.228.795)	(1.212.887.097)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	12.079.858.724	6.851.466.436
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>135.543.242.690</b>	<b>86.155.242.690</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	125.543.242.690	86.155.242.690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	10.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>75.212.430.872</b>	<b>56.208.133.600</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	74.015.233.232	55.010.935.960
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	1.197.197.640	1.197.197.640
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.415.641.691.213</b>	<b>2.153.874.325.635</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.246.079.513.152</b>	<b>997.937.469.310</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.243.320.676.404</b>	<b>995.121.693.562</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	885.046.189.920	584.642.951.256
2. Phải trả người bán	312	V.18	43.059.481.363	152.404.923.307
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	5.756.651.213	6.157.619.827
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	53.422.925.815	36.019.514.987
5. Phải trả người lao động	315	V.21	27.142.858.572	33.135.154.032
6. Chi phí phải trả	316	V.22	4.368.303.086	2.589.210.652
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	136.370.726.710	117.425.281.687
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.24	34.000.000.000	34.000.000.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	54.153.539.725	28.747.037.814
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.758.836.748</b>	<b>2.815.775.748</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	2.758.836.748	2.815.775.748
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.169.562.178.061</b>	<b>1.155.936.856.325</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.169.562.178.061</b>	<b>1.155.936.856.325</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	471.512.730.000	471.512.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	190.492.000.000	190.492.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.27	(36.897.215.355)	(36.897.215.355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	544.454.663.416	530.829.341.680
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.415.641.691.213</b>	<b>2.153.874.325.635</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		527.696,52		13.063.263,22	
Euro (EUR)		290,16		295,39	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-



Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2012



Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.730.825.650.716	1.628.113.789.338
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	712.555.243	7.786.594.277
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.730.113.095.473	1.620.327.195.061
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.520.643.416.156	1.326.355.278.095
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		209.469.679.317	293.971.916.966
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	36.102.386.399	82.661.798.730
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	28.416.453.703	40.880.110.051
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.097.559.546	19.188.664.439
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	92.292.954.744	84.162.887.486
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	18.242.381.483	12.611.612.044
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		106.620.275.786	238.979.106.115
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.116.176.329	201.743.986
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.456.321.647	2.421.400.584
13. Lợi nhuận khác	40		4.659.854.682	(2.219.656.598)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		111.280.130.468	236.759.449.517
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	19.098.279.194	39.414.178.341
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>92.181.851.274</u>	<u>197.345.271.176</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-



Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2012

Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		111.280.130.468	236.759.449.517
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	29.195.925.484	28.853.187.915
- Các khoản dự phòng	03	V.7	1.955.291.674	12.797.806.452
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(21.357.975.597)	(25.380.067.740)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	23.097.559.546	19.188.664.439
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		144.170.931.575	272.219.040.583
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		58.942.981.323	(126.325.415.415)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(91.532.834.575)	(39.947.036.147)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(136.895.356.353)	(89.112.944.681)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(17.696.421.924)	(22.208.458.989)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4, VII	(22.843.392.922)	(19.188.664.439)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(1.506.890.065)	(41.284.606.861)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.500.000.000	89.350.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.249.826.627)	(6.442.688.108)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(76.110.809.568)</b>	<b>(72.201.424.057)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.12, VII	(38.237.014.912)	(45.840.742.973)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.14	(433.510.123.274)	(130.113.065.763)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	65.704.837.567
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13	(39.388.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3, VII	13.798.507.486	20.067.407.949
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(497.336.630.700)</b>	<b>(90.181.563.220)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(5.487.904.737)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	1.299.598.696.632	849.908.920.767
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(999.195.457.968)	(766.773.350.337)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>300.403.238.664</b>	<b>77.647.665.693</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(273.044.201.604)</b>	<b>(84.735.321.584)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>294.581.518.046</b>	<b>111.656.276.573</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>21.537.316.442</b>	<b>26.920.954.989</b>



Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2012

Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2012 giảm so với cùng kỳ năm trước do tốc độ tăng của giá bán thấp hơn tốc độ tăng của giá thành. Ngoài ra, giá thành cá nuôi kỳ này cũng tăng so với kỳ trước.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **6. Tài sản thuê hoạt động**

#### ***Công ty là bên đi thuê***

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

#### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

### **8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **10. Chi phí trả trước dài hạn**

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

#### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### **11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

### **13. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

### **14. Nguồn vốn kinh doanh**

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### 15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 16. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD  
30/06/2012 : 20.828 VND/USD

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **20. Tài sản tài chính**

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

*Công cụ tài chính phức hợp*

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

### **22. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **24. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.525.807.080	2.223.321.999
Tiền gửi ngân hàng	17.011.509.362	275.858.196.047
Các khoản tương đương tiền	-	16.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>21.537.316.442</u></b>	<b><u>294.581.518.046</u></b>

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.

#### 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	14.221.199.265	25.956.342.050
Các khách hàng nước ngoài	479.787.819.724	609.488.003.616
<b>Cộng</b>	<b><u>494.009.018.989</u></b>	<b><u>635.444.345.666</u></b>

Một số khoản phải thu trị giá 45 tỷ đồng đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

#### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp tài sản cố định	46.579.208.136	45.527.289.051
Các nhà cung cấp nguyên vật liệu	65.288.540.128	14.948.557.769
<b>Cộng</b>	<b><u>111.867.748.264</u></b>	<b><u>60.475.846.820</u></b>

#### 5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - thu hộ tiền hàng	12.843.317.022	-
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền ủy thác xuất khẩu	521.569.701	4.823.682.529
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	7.559.468.111	-
Phải thu khác	27.600.000	484.442.710
<b>Cộng</b>	<b><u>20.951.954.834</u></b>	<b><u>5.308.125.239</u></b>

#### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	26.415.406.995	47.902.152.330
Công cụ, dụng cụ	3.640.450.079	2.929.580.624
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	377.664.604.494	327.069.614.956
Thành phẩm	321.345.488.067	236.007.052.525
Hàng hóa	66.563.075	63.204.912
Hàng gửi đi bán	20.715.054.656	44.343.127.444
<b>Cộng</b>	<b><u>749.847.567.366</u></b>	<b><u>658.314.732.791</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm có giá trị là 149.140.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng Natixis – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

### 7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	45.495.942.958
Trích lập dự phòng bổ sung	1.955.291.674
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>47.451.234.632</b>

### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	799.579.015
Tăng trong kỳ	560.685.000
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(751.635.850)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>608.628.165</b>

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	35.371.495.165	25.042.101.295
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.700.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>38.071.495.165</b>	<b>26.542.101.295</b>

### 10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	159.316.301.847	343.139.611.735	7.943.965.222	853.725.470	511.253.604.274
Mua sắm mới	868.544.850	7.338.760.784	2.963.531.819	318.150.000	11.488.987.453
Đầu tư xây dựng hoàn thành	3.186.942.155	-	-	-	3.186.942.155
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>163.371.788.852</b>	<b>350.478.372.519</b>	<b>10.907.497.041</b>	<b>1.171.875.470</b>	<b>525.929.533.882</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.101.877.767	51.435.793.082	1.833.058.745	648.586.980	57.019.316.574
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	34.735.684.824	168.900.244.587	3.769.459.188	756.338.651	208.161.727.250
Khấu hao trong kỳ	6.173.196.110	22.287.439.753	532.517.466	82.430.457	29.075.583.786
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>40.908.880.934</b>	<b>191.187.684.340</b>	<b>4.301.976.654</b>	<b>838.769.108</b>	<b>237.237.311.036</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	124.580.617.023	174.239.367.148	4.174.506.034	97.386.819	303.091.877.024
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>122.462.907.918</b>	<b>159.290.688.179</b>	<b>6.605.520.387</b>	<b>333.106.362</b>	<b>288.692.222.846</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 306.348.338.881 VND và 158.740.903.822 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	53.482.992.750	540.229.790	54.023.222.540
Tăng trong kỳ	11.810.752.300	135.000.000	11.945.752.300
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>65.293.745.050</b>	<b>675.229.790</b>	<b>65.968.974.840</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	468.773.790	468.773.790
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	716.928.747	495.958.350	1.212.887.097
Khấu hao trong kỳ	104.916.402	15.425.296	120.341.698
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>821.845.149</b>	<b>511.383.646</b>	<b>1.333.228.795</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	52.766.064.003	44.271.440	52.810.335.443
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>64.471.899.901</b>	<b>163.846.144</b>	<b>64.635.746.045</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 14.067.767.850 VND và 13.245.922.701 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	81.000.000	332.400.000	(135.000.000)	-	278.400.000
XDCB dở dang	6.770.466.436	9.334.858.941	(3.186.942.155)	(1.116.924.498)	11.801.458.724
<i>Chi phí các ao nuôi cá</i>	<i>5.211.443.396</i>	<i>9.087.372.198</i>	<i>(3.186.942.155)</i>	<i>(1.116.924.498)</i>	<i>9.994.948.941</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i>	<i>1.559.023.040</i>	<i>247.486.743</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.806.509.783</i>
<b>Cộng</b>	<b>6.851.466.436</b>	<b>9.667.258.941</b>	<b>(3.321.942.155)</b>	<b>(1.116.924.498)</b>	<b>12.079.858.724</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 <sup>(i)</sup>	6.945.374,95	52.003.709.506	6.945.374,95	52.003.709.506
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) <sup>(ii)</sup>		8.651.533.184		8.651.533.184
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 <sup>(iii)</sup>		64.586.000.000		25.500.000.000
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 <sup>(iv)</sup>		302.000.000		-
<b>Cộng</b>		<b>125.543.242.690</b>		<b>86.155.242.690</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 1400604953 ngày 21 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 69.950.040.000 VND, tương đương 69,95% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 69.453.749.913 VND, tương đương 69,80% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 là 79.300.000.000 VND, tương đương 99,13% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 64.586.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 là 14.714.000.000 VND.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 302.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.698.000.000 VND.

Trong năm 2012 Công ty đã thành lập các Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012) và Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011). Ngoài ra, Công ty cũng quyết định thành lập con là Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Green Farm. Việc góp vốn vào các Công ty trên sẽ được thực hiện trong năm nay.

### 14. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư vốn sản xuất cá giống cung cấp cho Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	43.086.751.330	25.539.280.916	(5.467.867.979)	63.158.164.267
Tiền thuê đất	11.924.184.630	177.652.020	(1.244.767.685)	10.857.068.965
<b>Cộng</b>	<b>55.010.935.960</b>	<b>25.716.932.936</b>	<b>(6.712.635.664)</b>	<b>74.015.233.232</b>

**16. Tài sản dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	-	177.370.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	-	16.500.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	812.093.189.920	390.772.951.256
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	20.828.000.000	-
- Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup>	52.125.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>885.046.189.920</b>	<b>584.642.951.256</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng hóa trong kho trị giá 45 tỷ đồng và một số khoản phải thu trị giá 45 tỷ đồng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng hóa trong kho trị giá 5 triệu USD và cam kết của Bà Trương Thị Lệ Khanh sẽ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và quyền quản lý chi phối tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:**

Số đầu năm	584.642.951.256
Số tiền vay phát sinh	1.299.598.696.632
Số tiền vay đã trả	(999.195.457.968)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>885.046.189.920</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Nhà cung cấp trong nước	41.662.965.761	146.321.780.908
Các Nhà cung cấp nước ngoài	1.396.515.602	6.083.142.399
<b>Cộng</b>	<b><u>43.059.481.363</u></b>	<b><u>152.404.923.307</u></b>

### 19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	652.186.492	883.576.990
Các khách hàng nước ngoài	5.104.464.721	5.274.042.837
<b>Cộng</b>	<b><u>5.756.651.213</u></b>	<b><u>6.157.619.827</u></b>

### 20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	433.708	7.380.560.283	(7.380.993.991)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(608.007.853)	1.195.585.256	(839.547.949)	(251.970.546)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.752.966.096	19.098.279.194	(1.506.890.065)	52.344.355.225
Thuế thu nhập cá nhân	1.266.115.183	1.910.643.215	(2.098.187.808)	1.078.570.590
Tiền thuê đất	-	483.910.956	(483.910.956)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>35.411.507.134</u></b>	<b><u>30.071.978.904</u></b>	<b><u>(12.312.530.769)</u></b>	<b><u>53.170.955.269</u></b>

(\*) Thuế nhập khẩu nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	05%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	111.280.130.468	236.759.449.517
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.557.893.075	800.594.700
- Các khoản điều chỉnh giảm	(17.335.977.914)	(27.110.215.135)
Tổng thu nhập chịu thuế	95.502.045.629	210.449.829.082
Trong đó:		
- Thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh được giảm 50%	38.217.857.709	105.586.231.434
- Thu nhập của hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	57.284.187.920	104.863.597.648
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>23.875.511.408</b>	<b>52.612.457.270</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b>(4.777.232.214)</b>	<b>(13.198.278.929)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>19.098.279.194</b>	<b>39.414.178.341</b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**21. Phải trả người lao động**

Lương tháng 6 và tháng 13 phải trả công nhân viên.

**22. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí lãi vay	1.124.453.086	870.286.462
Chi phí khác	3.243.850.000	1.718.924.190
<b>Cộng</b>	<b>4.368.303.086</b>	<b>2.589.210.652</b>

**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cổ tức phải trả	46.010.971.500	58.448.500
Kinh phí công đoàn	3.176.972.766	2.598.818.514
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.130.565.068	1.106.300.846
Phải trả Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	994.800.023	2.134.179.135
Phải trả Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	78.090.082.372	108.101.129.232
Phải trả Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - thu hộ tiền hàng	-	712.250.000
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - tiền thu hộ	-	1.107.980.234

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	626.359.819	-
Các khoản phải trả khác	5.340.975.162	1.606.175.226
<b>Cộng</b>	<b><u>136.370.726.710</u></b>	<b><u>117.425.281.687</u></b>

**24. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	26.307.104.789	24.717.147.527		(4.969.700.008)	46.054.552.308
Quỹ phúc lợi	2.439.933.025	7.886.859.011	352.322.000	(2.580.126.619)	8.098.987.417
<b>Cộng</b>	<b><u>28.747.037.814</u></b>	<b><u>32.604.006.538</u></b>	<b><u>352.322.000</u></b>	<b><u>(7.549.826.627)</u></b>	<b><u>54.153.539.725</u></b>

**26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm

2.815.775.748

Số đã chi

(56.939.000)

Số cuối kỳ

2.758.836.748**27. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	471.512.730.000	191.808.000.000	(32.725.310.618)	249.436.576.073	880.031.995.455
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(1.316.000.000)	-	-	(1.316.000.000)
Lợi nhuận năm trước				364.020.881.468	364.020.881.468
Trích các quỹ				(18.982.447.000)	-18.982.447.000
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	-	-	5.283.115.639	5.283.115.639
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(4.171.904.737)	-	(4.171.904.737)
Chia cổ tức	-	-	-	(68.928.784.500)	(68.928.784.500)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>471.512.730.000</u></b>	<b><u>190.492.000.000</u></b>	<b><u>(36.897.215.355)</u></b>	<b><u>530.829.341.680</u></b>	<b><u>1.155.936.856.325</u></b>
Số dư đầu năm	471.512.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	530.829.341.680	1.155.936.856.325
Lợi nhuận trong kỳ				92.181.851.274	92.181.851.274
Trích các quỹ trong kỳ				(32.604.006.538)	(32.604.006.538)
Chia cổ tức	-	-	-	(45.952.523.000)	(45.952.523.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>471.512.730.000</u></b>	<b><u>190.492.000.000</u></b>	<b><u>(36.897.215.355)</u></b>	<b><u>544.454.663.416</u></b>	<b><u>1.169.562.178.061</u></b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	47.151.273
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523	45.952.523
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523	45.952.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.730.825.650.716	1.628.113.789.338
- Doanh thu bán hàng hóa	251.718.968.656	381.973.017.724
- Doanh thu bán thành phẩm	1.185.831.160.784	1.023.553.771.154
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	10.687.712.312	2.527.524.404
- Doanh thu bán phụ phẩm	260.341.440.682	199.732.840.029
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.246.368.282	20.326.636.027
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(712.555.243)	(7.786.594.277)
- Giảm giá hàng bán	(192.556.203)	(67.191.505)
- Hàng bán bị trả lại	(519.999.040)	(7.719.402.772)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.730.113.095.473</b>	<b>1.620.327.195.061</b>
Trong đó:	-	-
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	251.715.131.629	380.980.220.559
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.185.162.219.404	1.016.759.974.042
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	10.687.712.312	2.527.524.404
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	260.301.663.846	199.732.840.029
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	22.246.368.282	20.326.636.027

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	231.188.530.055	347.037.338.935
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.028.026.024.530	794.327.838.464
Giá vốn của nguyên vật liệu đã cung cấp	9.502.413.011	2.826.789.113
Giá vốn của phụ phẩm đã cung cấp	249.971.156.886	169.365.505.131
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.955.291.674	12.797.806.452
<b>Cộng</b>	<b>1.520.643.416.156</b>	<b>1.326.355.278.095</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.819.483.098	5.927.850.017
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	271.065.263	200.749.597
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.492.506.000	11.326.166.719
Lãi tiền cho vay	-	7.460.162.432
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	3.045.986.499	665.888.572
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.473.345.539	57.080.981.393
<b>Cộng</b>	<b>36.102.386.399</b>	<b>82.661.798.730</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	23.097.559.546	19.188.664.439
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.318.894.157	21.691.445.612
<b>Cộng</b>	<b>28.416.453.703</b>	<b>40.880.110.051</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.175.977.600	2.292.791.713
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	254.101.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	27.220.290	47.872.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.261.076.964	46.012.956.130
Chi phí khác	33.828.679.890	35.555.166.598
<b>Cộng</b>	<b>92.292.954.744</b>	<b>84.162.887.486</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.816.263.459	5.651.796.826
Chi phí đồ dùng văn phòng	687.177.108	487.969.464
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.045.003.211	1.677.399.420
Thuế, phí và lệ phí	294.135.543	1.093.637.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	690.012.658	360.159.250
Chi phí khác	5.709.789.504	3.340.649.745
<b>Cộng</b>	<b>18.242.381.483</b>	<b>12.611.612.044</b>

**7. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản nợ không phải trả	5.842.779.195	37.891.462
Thu nhập khác	273.397.134	163.852.524
<b>Cộng</b>	<b>6.116.176.329</b>	<b>201.743.986</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	291.666.669
Thuế bị phạt, bị truy thu	196.721.739	3.475.968
Chi phí khác	1.259.599.908	2.126.257.947
<b>Cộng</b>	<b>1.456.321.647</b>	<b>2.421.400.584</b>

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	813.925.626.275	640.066.803.819
Chi phí nhân công	137.627.408.938	86.183.014.460
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.195.925.484	28.853.187.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	211.459.220.856	188.484.772.384
Chi phí khác	63.528.188.751	58.248.062.323
<b>Cộng</b>	<b>1.255.736.370.304</b>	<b>1.001.835.840.901</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Số dư công nợ về mua sắm tài sản cố định, các khoản lãi tiền gửi và lãi vay như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	1.303.498.015	5.248.595.148
Ứng trước mua tài sản cố định	46.579.208.136	45.527.289.051
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu cuối kỳ	7.559.468.111	-
Chi phí lãi vay phải trả	1.124.453.086	870.286.462

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Các khoản cam kết

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có cam kết bảo lãnh cho Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 để nhận các khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền cam kết bảo lãnh lần lượt là 40 tỷ đồng và 200 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty có ký Thư hậu thuẫn cho khoản vay của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 tại Ngân hàng Natixis – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh với điều kiện Công ty sẽ không bán hoặc làm giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Hội đồng quản trị và Ban điều hành</b>		
Mua nguyên liệu	19.058.716.346	21.319.371.440
Bán hàng hóa	-	115.437.661
<b>Các cá nhân có liên quan</b>		
Mua nguyên liệu	11.508.852.800	11.108.071.100
Bán hàng hóa	-	395.769.521

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	21.633.950.594	19.663.800.251
Các cá nhân có liên quan	-	1.478.594.520
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>21.633.950.594</b>	<b>21.142.394.771</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 4.221.392.592 VND (kỳ trước là 3.565.307.000 VND).

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</b>		
Bán thành phẩm	596.070.200.913	462.783.677.207
Bán hàng hóa	-	1.561.441
Bán hàng ủy thác xuất khẩu	147.165.017.150	135.232.820.898
<b>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	476.624.161.740	409.094.285.580
Cho vay ngắn hạn	-	93.000.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi cho vay ngắn hạn	-	6.836.938.889
Bán hàng hóa, dịch vụ	178.830.065.440	315.849.840.817
Bán phụ phẩm	9.581.147.500	11.691.741.060
Nhờ thu hộ tiền hàng	16.550.769.750	12.772.826.065
Thu hộ tiền hàng	8.552.472.494	68.365.344.127
<b>Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2</b>		
Mua hàng hóa	15.657.143	
Cung cấp dịch vụ	31.187.848	-
Nhận ủy thác xuất khẩu	626.359.819	-
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	9.042.606.063	11.319.305.922
Bán hàng hóa, dịch vụ	319.049.126	3.132.926.883
Bán thành phẩm	63.097.500	3.044.708.881
Ủy thác xuất khẩu	5.230.522.102	6.117.871.482
Nhận ủy thác xuất khẩu	6.215.561.325	47.932.445.105
<b>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</b>		
Cung cấp dịch vụ	21.927.925.393	16.911.363.803
Bán nguyên vật liệu	3.321.331.052	2.204.884.630
Nhận ủy thác xuất khẩu	287.209.258.316	244.266.086.870
Cho vay ngắn hạn	-	31.057.500.000
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	42.861.534.473	14.633.380.134
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</b>		
Phải thu tiền hàng	333.866.067.359	435.476.303.061
<b>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</b>		
Phải thu tiền hàng ứng trước	48.824.247.866	-
Phải trả tiền hàng thu hộ	12.843.317.022	-
<b>Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2</b>		
Phải thu phí dịch vụ ủy thác xuất khẩu	34.306.632	-
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>		
Phải thu tiền ủy thác xuất khẩu	521.569.701	4.823.682.529
<b>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</b>		
Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu	-	163.276.785
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>396.089.508.580</b>	<b>440.463.262.375</b>
<b>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</b>		
Phải trả tiền chi hộ	148.672.480	161.625.280
<b>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</b>		
Phải trả tiền hàng	-	49.942.012.524
Phải trả tiền hàng thu hộ	-	1.107.980.234
<b>Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2</b>		
Phải trả tiền hàng nhận xuất khẩu ủy thác	626.359.819	-
Phải trả tiền hàng	16.440.000	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	994.800.023	2.134.179.135
Phải trả tiền hàng	2.391.391.822	2.692.462.513
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền hàng	3.282.258.258	-
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	78.090.082.372	108.101.129.232
Phải trả tiền thu hộ	-	712.250.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>85.550.004.774</u></b>	<b><u>164.851.638.918</u></b>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

### 3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### *Khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất khẩu	1.365.055.364.258	1.130.386.555.383
Trong nước	365.057.731.215	489.940.639.678
<b>Cộng</b>	<b><u>1.730.113.095.473</u></b>	<b><u>1.620.327.195.061</u></b>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

### 4. Thuê hoạt động

#### *Các hợp đồng đi thuê*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	413.674.030	317.574.030
Trên 01 năm đến 05 năm	1.244.801.080	942.380.088
Trên 05 năm	2.132.332.145	1.454.819.357
<b>Cộng</b>	<b><u>3.790.807.255</u></b>	<b><u>2.714.773.475</u></b>

Công ty thuê văn phòng chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, bãi bồi cồn Bình Thạnh và cồn Ngâm dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2004 đến năm 2028 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê văn phòng chi nhánh được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.537.316.442	294.581.518.046	21.537.316.442	294.581.518.046
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	423.716.296.390	219.548.828	423.716.296.390	219.548.828
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	494.009.018.989	635.444.345.666	494.009.018.989	635.444.345.666
Các khoản phải thu khác	60.220.647.639	33.047.424.174	60.220.647.639	33.047.424.174
<b>Cộng</b>	<b>1.009.483.279.460</b>	<b>963.292.836.714</b>	<b>1.009.483.279.460</b>	<b>963.292.836.714</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	885.046.189.920	584.642.951.256	885.046.189.920	584.642.951.256
Phải trả cho người bán	43.059.481.363	152.404.923.307	43.059.481.363	152.404.923.307
Phải trả người lao động	27.142.858.572	33.135.154.032	27.142.858.572	33.135.154.032
Chi phí phải trả	4.368.303.086	2.589.210.652	4.368.303.086	2.589.210.652
Các khoản phải trả khác	173.129.563.458	154.241.057.435	173.129.563.458	154.241.057.435
<b>Cộng</b>	<b>1.132.746.396.399</b>	<b>927.013.296.682</b>	<b>1.132.746.396.399</b>	<b>927.013.296.682</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

#### 6. Tài sản đảm bảo

##### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh V.10) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh V.11) để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tương đương tiền	-	16.500.000.000
Phải thu khách hàng	45.000.000.000	-
Hàng tồn kho	149.140.000.000	177.370.000.000
Nhà cửa, vật kiến trúc	66.015.141.891	67.941.024.297
Máy móc, thiết bị	92.725.761.931	106.347.761.503
Quyền sử dụng đất	13.245.922.701	13.350.839.103
<b>Cộng</b>	<b>366.126.826.523</b>	<b>381.509.624.903</b>

##### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có nhận tài sản đảm bảo bằng giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho khoản đầu tư vốn để sản xuất cá giống.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 7. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các đơn vị khác vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

### 8. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Các khoản nợ phải trả của Công ty thường là ngắn hạn và rất ít nên rủi ro thanh khoản rất thấp. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	885.046.189.920	-	-	885.046.189.920
Phải trả người bán	43.059.481.363	-	-	43.059.481.363
Phải trả người lao động	27.142.858.572	-	-	27.142.858.572
Chi phí phải trả	4.368.303.086	-	-	4.368.303.086
Các khoản phải trả khác	170.370.726.710	2.758.836.748	-	173.129.563.458
<b>Cộng</b>	<b>1.129.987.559.651</b>	<b>2.758.836.748</b>	-	<b>1.132.746.396.399</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	584.642.951.256	-	-	584.642.951.256
Phải trả người bán	152.404.923.307	-	-	152.404.923.307
Phải trả người lao động	33.135.154.032	-	-	33.135.154.032
Chi phí phải trả	2.589.210.652	-	-	2.589.210.652
Các khoản phải trả khác	151.425.281.687	2.815.775.748	-	154.241.057.435
<b>Cộng</b>	<b>924.197.520.934</b>	<b>2.815.775.748</b>	-	<b>927.013.296.682</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ đáng kể do phần lớn việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	<u>Thay đổi lãi suất (%)</u>	<u>Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</u>
Kỳ này	+ 2%	(13.275.692.849)
	- 2%	13.275.692.849
Kỳ trước	+ 2%	(8.769.644.269)
	- 2%	8.769.644.269

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



**Nguyễn Thị Kim Đào**  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2012

  
**Trương Thị Lệ Khanh**  
Tổng Giám đốc